|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Sản phẩm và vật liệu có đặc tính xanh** | **Ví dụ** | **Tín chỉ liên quan trong LOTUS NC v3** |
| 1 | Vật liệu tái sử dụng | Gạch lát, gạch vỡ, gỗ xể tận dụng | MR-2 |
| 2 | Vật liệu có thành phần tái chế | Thép, trần/tấm thạch cao, thảm, cách âm | MR-2 |
| 3 | Vật liệu có nguồn gốc địa phương | Thu gom, khai thác và /hoặc sản xuất trong phạm vi 150 km từ dự án (từ 14/10/2024) | MR-2 |
| 4 | Vật liệu tái tạo nhanh | Cách nhiệt dùng cotton, sàn bằng tre, vải sơn lót sàn, bảng/tấm bằng rơm  | MR-2 |
| 5 | Gỗ từ nguồn bền vững | Gỗ được chứng nhận từ Forest Stewardship Council (FSC). Gỗ được chứng nhận từ chương trình Endorsement of Forest Certification (PEFC), gỗ được chứng nhận bởi Vietnam Forest Certification Scheme (VFCS)  | MR-2 |
| 6 | Materials with third-party certification based on whole lifecycle analysis (LCA) | Global GreenTag LCARate, Cradle to Cradle, đánh giá bền vững NSF  | MR-2 |
| 7 | Vật liệu có xác minh từ bên thứ ba | Tuyên bố môi trường của bên thứ ba xác minh bằng tuyên bố hoặc chứng nhận bằng nhãn xanh | MR-2 |
| 8 | Vật liệu không nung | Gạch bê tông, tấm thạch cao, tấm bê tông đúc sẵn, gạch AAC  | MR-3 |
| 9 | Vật liệu có phát thải thấp | Sơn, chất phủ, keo dính, keo trám có VOC thấp hoặc bằng 0. Sản phẩm gỗ composit có hàm lượng formaldehyde thấp hoặc bằng 0 | H-PR-2 and H-2 |
| 10 | Thiết bị vệ sinh hiệu năng | Toilet có hai nút bấm hoặc hiệu suất cao, bồn tiểu không nước, vòi có lưu lượng nước nhỏ | W-PR-1, W-1 |
| 11 | Hệ thống tưới hiệu năng | Tưới nhỏ giọt, tưới với cảm biến ẩm của đất | W-2 |
| 12 | Vật liệu/hệ thống kiểm soát chảy tràn | Hệ thống thu nước mưa, vật liệu thấm hút và mặt lát dùng loại ô bàn cờ (ô lưới mở) | SE-4 |
| 13 | Môi chất lạnh thân thiện môi trường | Môi chất lạnh thay thế có chỉ số tác động thấp thường dùng cho các hệ làm lạnh, làm mát và sưởi ấm bằng bơm nhiệt cho tòa nhà | SE-6 |
| 14 | Vật liệu phản xạ cao | Bề mặt lát và mái với hệ số phản xạ mặt trời cao (SRI) | H-6, SE-5, E-PR-3, E-2, E-3 |
| 15 | Cấu kiện vỏ công trình hiệu năng | Kính hiệu quả năng lượng với hệ số SHGC và U-value thấp, vật liệu cách nhiệt với hệ số dẫn nhiệt thấp (bọt XPS, bọt PU, len đá, v.v), gạch block AAC  | H-6, E-PR-1, E-PR-3, E-2, E-3 |
| 16 | Thiết bị HVAC hiệu năng | Hệ thống HVAC với giá trị CSPF cao (cho máy lạnh không nối ống gió) và COP cao cho hệ thóng biến tần (inverter, VSD/VFD). | E-PR-1, E-PR-3, E-2, E-3, E-4 |
| 17 | Thiết bị chiếu sáng hiệu quả | Thiết bị chiếu sáng hiệu quả cao (với mật độ quang thông cao lm/W), điều khiển chiếu sáng và cảm biến chiếu sáng | E-PR-1, E-PR-3, E-2, E-5 |
| 18 | Thiết bị năng lượng tái tạo | Tấm thu năng lượng mặt trời, phong năng, địa nhiệt | E-2, E-8 |
| 19 | Vật liệu cho tiện nghi âm học | Vật liệu cách âm tốt, hấp thụ âm thanh tốt | H-7 |
| 20 | Sản phẩm giảm sử dụng bê tông | Tấm đúc sẵn, tấm rỗng, dầm và cột ứng suất trước.  | MR-1 |
| 21 | Thiết bị giám sát nước và năng lượng | Công tơ năng lượng và nước, hệ thống giám sát điện năng, hệ thống quản lý tòa nhà (BMS) | E-6, W-3 |
| 22 | Thang máy hiệu suất cao | Thang máy với hiệu suất năng lượng loại A tuân theo hướng dẫn VDI 4707 Phần 1, thang máy trang bị dẫn động VVVF, dẫn động tái sinh, và đèn hiệu suất cao  | E-7 |

Liên kết tới cơ sở dữ liệu cho dịch vụ và sản phẩm xanh VGBC: [***greendatabase.vgbc.vn/en/products-services***](http://greendatabase.vgbc.vn/en/products-services)

Cách để vào cơ sở dữ liệu danh mục sản phẩm và dịch vụ xanh của VGBC: [***greendatabase.vgbc.vn/en/how-to-get-listed***](http://greendatabase.vgbc.vn/en/how-to-get-listed)